

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh P**

Bản án số: 22/2018/HNGĐ-ST
Ngày 22- 8 - 2018
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Âu.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Mơ;

Ông Đinh Văn Dũng.

-Thư ký phiên tòa: Ông Lý Ngọc Thuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2018/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 4 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị N – có mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện S, tỉnh Đắc Nông.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đình H – có mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện S, tỉnh Đắc Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 4 năm 2018, quá trình giải quyết tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị N trình bày: Bà N và ông Nguyễn Đình H kết

hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện S, tỉnh Đắk Nông ngày 13/4/2004. Cuộc sống hôn nhân ban đầu giữa bà N và ông H tương đối hạnh phúc, nhưng từ năm 2016 đến nay phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan điểm sống và tính cách khác nhau, không có tiếng nói chung dẫn đến hay cãi vã và xúc phạm nhau. Bà N xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, vì vậy bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà những vấn đề sau đây:

Về quan hệ hôn nhân: Bà N xin được ly hôn với ông Nguyễn Đình H.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung là cháu Nguyễn Đình P, sinh ngày 26/6/2003 và cháu Nguyễn Thị Hải V, sinh ngày 12/02/2005, tại đơn khởi kiện bà xin nhường quyền nuôi con cho ông Nguyễn Đình H. Quá trình giải quyết, ngày 20/7/2018 bà N đã có đơn xin rút yêu cầu giải quyết nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa.

Về tài sản, công nợ: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Đình H trình bày: Ông bà có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật như bà N trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng ông bà không có gì lớn, ông nghĩ vợ chồng nào cũng cãi nhau đó là chuyện bình thường, ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu bà N.

Về con chung: Ông thừa nhận giữa ông và bà N có 02 con chung như bà N trình bày, ông H không yêu cầu giải quyết con chung.

Về tài sản, công nợ: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, các bên đương sự giữ nguyên quan điểm của mình.

Kiểm sát viên kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án phát biểu ý kiến như sau: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS); hoạt động xét xử của Hội đồng xét xử (HĐXX) khách quan, đảm bảo đúng theo quy định của BLTTDS. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành tốt quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phạm Thị N.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị giải quyết cho bà Phạm Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Đình H.

Về con chung: Đề nghị đình chỉ về yêu cầu giải quyết con chung của bà Phạm Thị N.

Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án: Giấy chứng nhận kết hôn bản chính; 02 bản sao giấy khai sinh; sổ hộ khẩu bản sao; 02 giấy chứng minh nhân dân bản sao; đây là chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Bị đơn thống nhất và không có ý kiến gì đối với các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Các đương sự có đăng ký kết hôn, nguyên đơn có yêu cầu giải quyết về vấn đề ly hôn và nhường quyền nuôi con cho bị đơn nên HĐXX xét thấy đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS; bị đơn cư trú tại thôn T, xã H, huyện S, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S, phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị N: Bà Phạm Thị N và ông Nguyễn Đình H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện S, tỉnh Đắk Nông nên quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông H là hôn nhân hợp pháp, theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Bà N cho rằng nguyên nhân dẫn đến việc bà yêu cầu ly hôn với ông H là do quan điểm sống khác nhau, tính cách khác nhau, không có tiếng nói chung dẫn đến hay cãi vã và xúc phạm nhau, ông H còn đánh bà. Qua quá trình xác minh tại địa phương nơi ông bà cư trú thì hàng xóm có thấy ông bà to tiếng, cãi nhau nhưng nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng ông bà thì không rõ, tuy nhiên bà N khẳng định bà không còn tình cảm với ông H và hiện ông bà đã ly thân mỗi người sống một nơi. Như vậy hôn nhân của ông bà đã vi phạm Điều 19, Điều 21 Luật hôn nhân gia đình. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa bà Phạm Thị N và ông Nguyễn Đình H không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài ảnh hưởng đến cuộc sống các bên cũng như ảnh hưởng đến con cái, căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị N về việc ly hôn với ông Nguyễn Đình H.

[3] Về con chung: Bà Phạm Thị N đã có đơn rút yêu cầu giải quyết về vấn đề con chung. Việc rút đơn là tự nguyện, không trái đạo đức, pháp luật nên HĐXX chấp nhận và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của bà N.

[4] Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm (DSST): Bà Phạm Thị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Đắk Nông.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 217; Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 9; Điều 19; Điều 21; khoản 1 Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Đình H.
2. Về con chung: Đình chỉ đối với yêu cầu giải quyết nuôi con chung của bà Phạm Thị N.
3. Về án phí DSST: Buộc bà Phạm Thị N phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí DSST, được khấu trừ số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí ly hôn đã nộp theo biên lai số 0001993 ngày 20/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Đắk Nông.
4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện S;
- Chi cục THADS H. Đắk Song;
- UBND xã H, huyện S, tỉnh Đắk Nông;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hải Âu

